

Bản án số: 45/2025/DS - ST

Ngày: 23-5-2025

V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Hoàng Khương;

2. Ông Đặng Hoàng Môn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Chúc Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận: Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2025, tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 202/2024/TLST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2025/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 99/2025/QĐST-DS ngày 29 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị C, sinh năm 1954; địa chỉ tạm trú: ấp C, xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang; *có mặt*

Bị đơn: Ông Lê Văn H, sinh năm 1967; *vắng mặt*

Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1968; *vắng mặt*

Cùng địa chỉ: ấp V, xã T, huyện V, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn bà Lê Thị C trình bày: Bà C và bà Nguyễn Thị L là chỗ quen biết. Bà L có một vương tôn và một tiệm tạp hóa, bà L nói cần mở rộng kinh doanh nên bà L có hỏi mượn bà C 2 lần với tổng số tiền 30.000.000 đồng. Lần 1: bà L mượn 15.000.000 đồng vào ngày 17/02/2022

(17/01/2022 âm lịch) có giấy viết tay do bà L viết. Lần 2: bà L mượn 15.000.000 đồng vào ngày 30/5/2022 (01/5/2022 âm lịch) có giấy viết tay do bà L viết. Sau một thời gian bà L có trả bà C 5.000.000 đồng còn nợ lại là 25.000.000 đồng. Nay bà C yêu cầu bà Nguyễn Thị L trả cho bà C số tiền còn lại là 25.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị L vắng mặt nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Về thủ tục tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị C, buộc ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị L trả cho bà C số tiền 25.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị L là bị đơn đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông H và bà L.

[2] *Về quan hệ tranh chấp:* Nguyên đơn bà Lê Thị C khởi kiện yêu cầu Ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị L trả số tiền vay 25.000.000 đồng. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là là “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung vụ án:* Bà C có cho ông L, bà H vay tiền. Căn cứ vào giấy nhận nợ có chữ ký của bà Nguyễn Thị L xác định ngày 17/01/2022 âm lịch có mượn số tiền 15 triệu đồng và ngày 10/5/2022 âm lịch mượn số tiền 15 triệu đồng, sau đó bà L đã trả được 5 triệu đồng, còn lại 25.000.000 đồng, đến nay đã quá thời hạn mà ông L, bà H chưa trả là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C, buộc vợ chồng ông L, bà H liên đới trả cho bà C số tiền 25.000.000 đồng.

Về tiền lãi: Do bà C không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn ông L, bà H phải chịu án phí đối với nghĩa vụ buộc phải thi hành số tiền 25.000.000 đồng, tiền án phí là $25.000.000 \times 5\% = 1.250.000$ đồng.

Nguyên đơn bà Lê Thị C không nhận lại tiền tạm ứng án phí, do bà C thuộc diện người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên trước khi thụ lý được xem xét chấp nhận miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 309 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị C đối với ông Lê Văn H, bà Nguyễn Thị L. Buộc ông Lê Văn H, bà Nguyễn Thị L liên đới trả cho bà Lê Thị C tiền 25.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2- *Án phí dân sự sơ thẩm:*

Ông Lê Văn H, bà Nguyễn Thị L phải chịu là 1.250.000 đồng.

Nguyên đơn bà Lê Thị C không nhận lại tiền tạm ứng án phí, do bà C thuộc diện người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên trước khi thụ lý được xem xét chấp nhận miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

3- Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt (ông Lê Văn H, bà Nguyễn Thị L) vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã Tân Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kiều Diễm